

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 7 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thành.
2. Ông Quách Văn Vệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị M, sinh năm 1975 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trương Thanh N, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2024, cùng các văn bản khác kèm theo nguyên đơn là bà Phạm Thị M trình bày:

Về hôn nhân, bà (Phạm Thị M) và ông Trương Thanh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh C chứng nhận kết hôn ngày 29/6/2009. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, về sau vợ chồng bất đồng quan điểm do không hoà hợp. Bà và ông Trương Thanh N không còn chung sống với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Bà nhận xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn

đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Thanh N. Về con chung có 02 người tên là Trương Minh Q (giới tính nam) sinh năm 1993, Trương Văn S (giới tính nam) sinh năm 1996. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trương Thanh N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ để Toà án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Phạm Thị M yêu cầu ly hôn với ông Trương Thanh N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là bà Phạm Thị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Trương Thanh N vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Phạm Thị M và ông Trương Thanh N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Phạm Thị M và ông Trương Thanh N được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hoà giải, hàn gắn và không thể tiếp tục cuộc sống chung mà không thể tự hoà giải, hàn gắn. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Phạm Thị M xác định giữa bà và ông Trương Thanh N không còn chung sống với nhau từ năm 2013 cho đến nay mà không thể hoà giải, hàn gắn và tiếp tục cuộc sống chung. Vì vậy, bà Phạm Thị M yêu cầu ly hôn với ông Trương Thanh N. Ông Trương Thanh N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ để Toà án xem xét, bà Phạm Thị M cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị M và ông Trương Thanh N đã và đang trầm trọng. Do đó, việc bà Phạm Thị M yêu cầu ly hôn với ông Trương Thanh N là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung có 02 người tên là Trương Minh Q (giới tính nam) sinh năm 1993, Trương Văn S (giới tính nam) sinh năm 1996. Bà Phạm Thị M xác định hiện nay 02 người con chung đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị M xác định không có, đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị M phải chịu chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị M ly hôn với ông Trương Thanh N.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Phạm Thị M đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014958, ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**